

TU LIỆU NGŨ VĂN 6 - TUẦN 1

Tiết 1:

+ Chia sẻ cảm nghĩ về môi trường THCS.

+ Khám phá một chặng hành trình

Tiết 2: Lập kế hoạch CLB đọc sách

Tiết 3,4: VB: Thánh Gióng

VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG

I. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức

- Người kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo...

1.2 Về năng lực

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện, lời của nhân vật.
- Nhận biết được nhân vật các chi tiết tiêu biểu thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.
- Rút ra bài học về chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

1.3 Về phẩm chất

- Yêu nước, tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN HS CẦN NẮM:

A/ TÌM HIỂU CHUNG:

1/ Thể loại: Truyền thuyết

- Truyền thuyết thuộc thể loại truyện kể dân gian thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử
 - Thể hiện nhận thức, tình cảm của tác giả dân gian đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử.
- Đặc điểm của Truyền thuyết được thể hiện qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng yếu tố kì ảo, lời kể,...

2/ Tác phẩm:

-Ngôi kể: ngôi thứ ba

-PTBD: tự sự

-Bố cục: 4 phần

P1: từ đầu... *nằm đấy*

=>Sự ra đời của Gióng

P2: Tiếp... *cứu nước*

=>Sự trưởng thành của Gióng

P3: Tiếp... *lên trời*

=>Gióng đánh tan giặc và bay về trời

P4: Còn lại

=>Những vết tích còn lại của Gióng.

B/ TÌM HIỂU CHI TIẾT

1/ Sự ra đời của Gióng

- Người mẹ ướm chân mình vào vết chân lạ và thụ thai.
- Mười hai tháng sau sinh ra một cậu bé.

-> **Chi tiết kì ảo**

-> **Sự ra đời kì lạ.**

2/ Sự trưởng thành của Gióng

- Lên ba: không biết nói, biết cười, chẳng biết đi
- Tiếng nói đầu tiên:

+ Mẹ ra mời sứ giả vào đây

=>Gióng là hình ảnh của nhân dân, lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi đất nước gặp nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước.

+ Đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đánh giặc

-> Để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ về về tinh thần và vũ khí đấu tranh.

- Gióng lớn nhanh như thổi:

+ Cơm ăn mấy cũng không biết no

+ Áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ

+ Bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng

-> Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.

Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.

Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân.

=>Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

3. Gióng đánh tan giặc và bay về trời

- Gióng vươn vai thành tráng sĩ

-> Thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết. Sự lớn lên của Gióng đã đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi tình thế đòi hỏi dân tộc vươn lên một tầm vóc phi thường thì dân tộc ta vụt lớn dậy như Thánh Gióng, tự mình thay đổi tư thế tầm vóc của mình.

- Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun ra lửa.

- Đánh hết lớp này đến lớp khác.

- Roi sắt gãy nhỏ tre đánh giặc.

-> Sự sáng tạo, nhanh của Gióng.

Quyết tâm giết giặc đến cùng.

- Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời.

-> Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng. Gióng là biểu tượng của người dân Văn Lang.

4. Những vết tích còn lại của Gióng

+ Tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng

+ Vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp

+ Khi ngựa hét lửa, lửa cháy một làng -> làng cháy

-> Việc kể về những dấu tích đánh giặc của Thánh Gióng trong đoạn kết thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân. Đồng thời cũng giải thích được các sự kiện, địa điểm lịch sử (đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, làng Cháy).

III/ Tổng kết

1. Nội dung:

-Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.

2. Nghệ thuật

- Chi tiết tượng tượng kì ảo.

- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường).

3. Ý nghĩa:

- Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

IV/ Luyện tập

1.Sau khi học văn bản “Thánh Gióng”, em có suy nghĩ gì về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta? Theo em, những học sinh lớp 6 đã có thể đóng góp cho đất nước được chưa? Và đóng góp bằng cách nào?

.....
.....
.....
.....

2.Tại sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông lại mang tên Hội khoẻ Phù Đổng?

.....
.....
.....
.....

VĂN BẢN 2 : SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản truyện truyền thuyết: một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường....), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết.

- Ôn tập từ đơn và các loại từ phức (từ ghép, từ láy) và sử dụng từ đơn, từ phức trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Ôn tập cách kể lại một truyện truyền thuyết đã học (hoặc đã đọc, đã nghe)

- Biết cách tóm tắt nội dung chính của một văn bản bằng sơ đồ.

- Biết cách thức tiến hành thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên môn: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm bảo vệ đất nước.
- Bồi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn qua tìm hiểu các lễ hội truyền thống dân tộc.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG CẦN NẮM:

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Thể loại: Truyện truyền thuyết (Truyện thuyết về địa danh).
2. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.
3. Bố cục văn bản: Văn bản chia làm 02 phần:
 - P1: Từ đầu đến đất nước: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.
 - P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần
4. Các sự việc chính:
 - Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.
 - Lê Thận được lưỡi gươm dưới nước.
 - Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, tra vào nhau vừa như in.
 - Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.
 - Đất nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần.
 - Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

II/ TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Lạc Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn gươm thần để đánh giặc

- Hoàn cảnh:
 - + Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược, coi dân ta như cỏ rác
 - + Nghĩa quân Lam Sơn thế lực còn yếu nên nhiều lần bị thua
 - Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần
- Đức Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm:
 - + Lê Lợi: chủ tướng, nhặt được chuôi gươm ở trên ngọn cây đa trong một khu rừng
 - + Lê Thận: người dân đánh cá, nhặt được lưỡi gươm
 - Trên lưỡi gươm có hai chữ “Thuận Thiên” nghĩa là theo ý Trời, qua đó khẳng định tính chất chính nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn. Đồng thời, việc Lê Lợi nhặt được chuôi gươm và Lê Thận nhặt được lưỡi gươm cho chúng ta thấy đây là cuộc khởi nghĩa mang tính chất toàn dân
- Kết quả:
 - + Nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng
 - + Họ xông xáo đi tìm giặc chứ không phải trốn tránh như trước
 - + Gươm thần mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, đến lúc không còn bóng giặc nào trên đất nước nữa

2. Lê Lợi trả gươm

- Thời gian: một năm sau khi đuổi giặc Minh
- Địa điểm: hồ Tả Vọng
- Nhân vật đòi gươm: Rùa Vàng – sứ giả của Đức Long Quân

- Hoàn cảnh đất nước:
- + Đất nước ta đã đánh tan giặc Minh xâm lược
- + Chủ tướng Lê Lợi lên ngôi vua
- Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa. Đồng thời, lí giải tên gọi hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm hiện nay.

III. TỔNG KẾT:

1. Nghệ thuật

- + Xây dựng chi tiết các chi tiết hoang đường, kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện: chi tiết Long Quân cho mượn gươm thần, Rùa Vàng đòi gươm,....,
- + Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

2. Nội dung:

Truyện thuyết “”Sự tích Hồ Gươm” ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỉ XV và giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hòa bình dân tộc

IV. LUYỆN TẬP:

1. Các yếu tố lịch sử và các chi tiết tưởng tượng, kì ảo trong truyện.
2. Có một du khách nước ngoài đến Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Gươm. Nếu em là hướng dẫn viên cho du khách đó thì em sẽ giới thiệu những điều gì về địa danh này?

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM: HỘI THI NẤU CƠM Ở ĐỒNG VÂN

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh
2. Đối tượng và mục đích thuyết minh :
 - Đối tượng : Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.
 - Mục đích : nhằm giới thiệu cho người đọc về thời gian, địa điểm và diễn biến của hội thổi cơm thi và ý nghĩa văn hoá của nó trong đời sống tinh thần của người lao động vùng đồng bằng Bắc Bộ.
3. Bố cục: 3 phần
 - Từ đầu cho đến trong làng: Giới thiệu về Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân.
 - Tiếp đến lao động mệt nhọc: Diễn biến của hội thổi cơm thi.
 - Còn lại: Ý nghĩa, giá trị văn hóa lịch sử của lễ hội với cộng đồng.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Giới thiệu địa điểm, thời gian diễn ra hội thi:

- Địa điểm lễ hội: làng Đồng Vân bên dòng sông Đáy, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây - đồng bằng Bắc Bộ.
- Thời gian lễ hội: hằng năm, ngày 15-1 (rằm tháng giêng - tết Nguyên tiêu).

2. Mục đích, nguồn gốc của hội thi

- Nguồn gốc: được bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.
- Mục đích: góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.

3. Diễn biến hội thi

- + Thi nấu cơm : làm thủ tục bắt đầu cuộc thi, lấy lửa trên ngọn cây chuối, nấu cơm.
 - + Chấm thi : các tiêu chuẩn chấm thi, cách chấm để đảm bảo chính xác, công bằng.
- Ý nghĩa văn hoá của lễ hội đối với đời sống tinh thần của người dân lao động.

4. Ý nghĩa, giá trị văn hoá lịch sử của hội thi

- Hội thi thể hiện được nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam. Đó là sự khéo léo và nhanh nhẹn, sáng tạo:
 - + Hội thi là dịp để trai tráng trong làng đua tài khoẻ mạnh, thông minh khi lấy lửa, là dịp gái làng thể hiện bàn tay khéo léo để có cơm dẻo tiếp binh lương.
 - + Hội thi còn mang đến những tiếng cười hồn nhiên, sảng khoái của người nông dân sau những ngày lao động mệt mỏi.
- => Hội thi như một cách thư giãn tinh thần, rèn luyện sức khỏe nhằm nâng cao ý nghĩa cuộc sống.
- Thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng.
 - Hội thi giúp chúng ta hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội xa xưa của cha ông ta được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Qua đó tôn vinh những nét đẹp của văn hoá dân tộc, của nghề trồng lúa nước.

III. TỔNG KẾT:

1. Khái quát đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản:

- Nghệ thuật: ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ và sinh động..
- Nội dung: Văn bản “Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân” đã cung cấp cho chúng ta hiểu biết về nguồn gốc, diễn biến và giá trị văn hoá lịch sử của hội thổi cơm thi ở Đồng Vân. Qua đó, văn bản ca ngợi vẻ đẹp con người Việt Nam, tôn vinh những nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc.

2. Bài tỏ thái độ của bản thân:

- Thêm tự hào về vẻ đẹp con người Việt Nam, yêu quý và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

IV. LUYỆN TẬP:

1. Qua một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và hình ảnh người dự thi, em có nhận xét gì về đẹp của con người Việt Nam
2. Em hãy kể tên những lễ hội của nước ta mà em biết (Tối thiểu 03 lễ hội). Theo em, việc giữ gìn và tổ chức những lễ hội truyền thống hằng năm hiện nay có những ý nghĩa gì?

TUẦN 2

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

1. Từ đơn và từ phức

- * Từ đơn là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

VD: sách, bút, tre, gỗ...

* Từ phức là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên.

VD: xe đạp, bàn gỗ, sách vở, quần áo, lấp lánh...

* Phân biệt các loại từ phức: Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

+ Từ ghép: là những từ có cấu tạo từ hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.

Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo (từ ghép đẳng lập)

Xe đạp, lớp xe, (từ ghép chính phụ)

+ Từ láy: là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác lấy lại tiếng gốc

VD: Lung linh, xinh xinh, đo đỏ..

Từ láy chia ra làm hai loại: Láy bộ phận (láy âm và láy vần) và láy toàn bộ.

2. Thành ngữ

a. Định nghĩa: Thành ngữ là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh.

b. Công dụng: Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao.

c. Nghĩa của thành ngữ

Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó, mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

Ví dụ: Nghĩa của thành ngữ “tay bắt mắt mừng” không đơn giản là nghĩa cộng lại của các từ “tay”, “bắt”, “mắt”, “mừng” mà là nghĩa của cả tập hợp: sự vốn vã, phân khởi lộ ra bên ngoài của những người gặp nhau.

3. Luyện tập:

Bài 1:

a) Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:

Lặng yên bên bếp lửa

Vẻ mặt Bác trầm ngâm

Ngoài trời mưa lâm thâm

Mái lều tranh xơ xác

Anh đội viên nhìn Bác

Càng nhìn lại càng thương

Người Cha mái tóc bạc

Đốt lửa cho anh nằm

Rồi Bác đi dèm chăn

Từng người từng người một

Sợ cháu mình giật thột

Bác nhón chân nhẹ nhàng

(Trích “Đêm nay Bác không ngủ” - Minh Huệ)

b) Chỉ ra nghĩa và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.

Bài 2: Tìm và lập danh sách các từ đơn, từ ghép, từ láy trong hai câu sau

a) *Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua.* (Thánh Gióng).

b) *Cho đến khi cả gươm và Rùa đều đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh.* (Sự tích Hồ Gươm)

Bài 3: Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ (in đậm) trong những câu dưới đây:

a) Gióng lớn nhanh như thổi, "com ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ". (Bùi Mạnh Nhị).

b) Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. (Tô Hoài)

Bài 4: Viết đoạn văn ngắn có sử dụng thành ngữ nêu cảm nhận của bản thân về lịch sử đất nước sau khi học hai văn bản: Thánh Gióng và Sự tích Hồ Gươm